



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
QUANGNINHPORT.JSC

Trụ sở: Số 1 Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Tel: (84-02033) 825624 ; Fax: (84-02033) 826118

Website: <http://quangninhport.com.vn>

Quảng ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH 2020

PHẦN 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. Thuận lợi và khó khăn

- Mặc dù có những thuận lợi nhất định về kinh nghiệm khai thác cảng biển, mối quan hệ tốt với nhiều khách hàng truyền thống và sự hợp tác hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước trong khối cảng như Cảng vụ, Hải quan, Hoa tiêu, Biên phòng, Công an, Kiểm dịch... Tuy nhiên có thể nói năm 2019, cảng Quảng Ninh gặp rất nhiều khó khăn, bất lợi ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển, cụ thể là:

- Dịch tả lợn châu Phi xuất hiện từ tháng 2/2019 cho đến tháng 12/2019 vẫn chưa được dập tắt.

- Trong cầu cảng, sự cạnh tranh khốc liệt với CICT có lợi thế vượt trội về thiết bị, công cụ, chính sách khách hàng hấp dẫn. Cam kết năng suất 12.000 tấn/ngày/tàu, miễn phí thuê kho,...điều đó đã tạo sức hút đối với các shipper. Thực tế 2 shipper lớn đăng ký hợp đồng dài hạn với cảng là Cargill và Enerfo đã đưa tàu sang CICT để khai thác. Riêng Cargill đã chấp nhận bồi thường thiệt hại thuê kho, đơn phương chấm dứt hợp đồng với cảng. Mặc dù cảng đã điều chỉnh chính sách kinh doanh tới mức cao nhất có thể nhưng vẫn không giữ được Cargill ở lại.

- Độ sâu trước bến của cảng bị hạn chế (- 11,7m), trong khi đó cảng CICT đạt (-13m).

- Thiết bị xếp dỡ của Cảng đã cũ thường xuyên bị hư hỏng, công nghệ lạc hậu, tầm với thiết bị tiền phương bị hạn chế, do vậy không thực hiện được tác nghiệp xếp dỡ hàng từ tàu xuống sà lan, phải xếp dỡ gián tiếp qua ô tô vận chuyển dẫn đến tăng chi phí và hao hụt hàng hóa.

- Ngoài Vịnh, do không có thiết bị cầu nổi, Cảng bị phụ thuộc vào đơn vị cung cấp, thiếu thiết bị xếp dỡ mỗi khi bất bình hành về tàu gây ảnh hưởng đến năng suất xếp dỡ và uy tín của cảng đối với một số tàu của Tân Long, Văn Sơn. Chính vì vậy từ tháng 10/ 2019 công ty Văn Sơn đã ký hợp đồng xếp dỡ trực tiếp với công ty Bạch Đằng – Hải Phòng.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh tuyệt đối		SS tương đối	
								TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
						1	2	3	4=3-2
1	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	8.639.118	7.948.000	8.120.073	172.073	-519.045	102,16%	93,99%
2	Sản lượng hàng hóa xếp dỡ	Tấn	8.927.130	8.178.000	8.358.458	180.458	-568.672	102,21%	93,63%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	415,51	409,5	417,752	8,25	2,24	102,02%	100,54%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	92,9	79,15	80,29	1,14	-12,61	101,44%	86,43%
5	Thu nhập BQ lao động	Trđ/tháng	11,760	11,407	12,384	0,977	0,624	108,56%	105,31%
6	Tổng số LĐBQ	Người	758	772	725	-47	-33	93,91%	95,65%
7	Cổ tức	%	10	10	16	6	6	160,00%	160,00%

- Sản lượng hàng hóa thông qua thực hiện: 8,12 triệu tấn bằng 102% so với kế hoạch năm và bằng 94% so cùng kỳ năm 2018.
- Sản lượng hàng hóa xếp dỡ thực hiện: 8,35 triệu tấn bằng 102% so với kế hoạch năm và bằng 93% so cùng kỳ năm 2018.
- Doanh thu khai thác cảng thực hiện 417,8 tỷ đồng bằng 102% so kế hoạch năm và bằng 101% so cùng kỳ năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 80,3 tỷ đồng bằng 101% so kế hoạch năm và bằng 86% so cùng kỳ năm 2018.
- Thu nhập bình quân người lao động đạt 12.384.000 đồng/ người/ tháng tăng 8,6% so với mục tiêu đề ra và tăng 5,3% so cùng kỳ năm 2018.
- Cổ tức dự kiến thực hiện là 16%, bằng 160% kế hoạch năm và cùng kỳ năm 2018.
- Các số liệu trên đã thể hiện cụ thể tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019. Kinh trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 (tài liệu Đại hội đính kèm).

2. Kết quả hoạt động kinh doanh thương mại hàng nông sản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2018	TH năm 2019	So sánh TH 2019 và TH 2018	
					Tuyệt đối	(%)
1	Phương án	P/án	24	27	3	112,5%
2	Sản lượng	Tấn	909.491	971.902	62.411	106,86%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	4.624,67	5.171,84	547,17	111,83%
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	1,013	3,190	2,177	314,91%

3. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

3.1 Đạt được

- Đối với kinh doanh cảng biển: Sản lượng hàng hóa thông qua tăng nhẹ xấp xỉ 2% so với kế hoạch. Doanh thu tăng trưởng 2,02%, lợi nhuận trước thuế tăng 1,44% so với kế hoạch năm.
 - Đối với kinh doanh thương mại hàng nông sản: Lợi nhuận trước thuế đạt 3,19 tỷ đồng, tăng 2,17 tỷ đồng so với năm 2018.
 - Duy trì thường xuyên các shipper nông sản và kịp thời ứng phó các biến động, khó khăn mà khách hàng gây sức ép cho cảng như: giá cước, năng suất xếp dỡ, điều kiện khai thác tàu, hàng hóa,... Trong năm phát triển mới shipper LDC đưa hàng ngô về khai thác tại cảng.
 - Thu hút toàn bộ sản lượng hàng sắt phế liệu của Shengli, hàng xi măng của CPI, Hải Dương Xanh.
 - Xây dựng chính sách kinh doanh linh hoạt, hiệu quả đem lại lợi ích kinh tế và tăng sức cạnh tranh trong điều kiện thị trường có nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt.
 - Ngoài các mặt hàng truyền thống như thức ăn chăn nuôi, dăm gỗ, sắt thép phế liệu, khối kinh doanh đã chủ động tập trung đẩy mạnh công tác marketing thêm các mặt hàng mới như gỗ viên nén; quặng; container lạnh.
 - Phát triển các dịch vụ logistics như khai báo hải quan, giao nhận hàng hóa. Mặc dù doanh thu chưa cao nhưng đã tạo thêm việc làm, góp phần gia tăng loại hình dịch vụ và doanh thu chung cho Cảng.
 - Trong năm 2019, khối kinh doanh thường xuyên cập nhật nắm bắt thông tin các khu vực ảnh hưởng đến thị trường hàng nông sản như: Cái Mép, Lạch Huyện để đánh giá thị trường và năng lực thực tế của Cảng so với đối thủ cạnh tranh và đưa ra các giải pháp cải thiện năng lực xếp dỡ, chất lượng dịch vụ của Cảng cũng như khả năng giữ chân và thu hút khách hàng.
 - Nợ xấu đã được thu hồi tích cực, giảm tỉ lệ nợ xấu so với đầu năm 2019 xuống 6,9% (Nợ khó đòi). Nhiều khoản nợ rất khó thu hồi đã có giải pháp tích cực để giải quyết triệt để.
 - + Trong kỳ đã thực hiện thu hồi được 500.000.000 đồng của Công ty cổ phần đầu tư Cửu Long.
 - + Hoàn thiện hồ sơ và làm thủ tục xóa nợ được 149.234.000 đồng đối với 2 công ty (Công ty đóng tàu và vận tải Hải Dương 132.889.000 đồng và Cty TNHH VTTM và du lịch Hải Dương 16.345.000 đồng).
 - Vụ kiện tranh chấp kinh tế đối với các công ty: Thành Anh, Phúc Quang Hồng Anh, Ngôi Sao Hạ Long và Quang Minh đã và đang tiếp tục thực hiện sát sao theo diễn biến vụ việc và sự chỉ đạo của BDH, HĐQT.
- #### **3.2 Tồn tại, hạn chế**

- Mặc dù đã bám sát điều chỉnh chính sách kinh doanh tới mức cao nhất có thể đối với hai shipper Cargill và Enerfo nhưng họ vẫn chuyển sang CICI.
- Trang thiết bị xếp dỡ hoạt động không ổn định dẫn đến việc thu hút khách hàng luôn bị hạn chế hơn so với CICT và các cảng khác trong khu vực Hải Phòng.

- Các dịch vụ logistics mới chỉ được thực hiện trong phạm vi từ khu vực vùng neo Hòn Gai vào Cảng và khu công nghiệp Cái Lân, chưa mở rộng được ra ngoài tỉnh. Doanh thu từ các dịch vụ này vẫn ở mức khiêm tốn, tăng trưởng chậm.
- Nguyên nhân chính: Cảng chưa có hệ thống xe vận tải đường bộ đường dài, sà lan vận chuyển đường thủy. Do đó việc đi thuê phương tiện giá thành cao, thiếu tính chủ động nên khó cạnh tranh trên thị trường.

III. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất

1. Kết quả năng suất xếp dỡ các mặt hàng

a. Kết quả

ĐVT: Tấn

TT	Năng suất xếp dỡ (Một số mặt hàng chính)	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	So sánh TH 2019 và TH 2018	
				Tuyệt đối	%
1	Thức ăn chăn nuôi chung chủ	11.988	12.311	323	102,69%
2	Sắt vụn	1.893	2.245	352	118,59%
3	Dăm gỗ	17.448	15.225	(2.223)	87,26%
4	Xi măng bịch	6.734	4.730	(2.004)	70,24%

b. Đánh giá

- Hàng nông sản chung chủ: năng suất xếp dỡ tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2018 do: Thiết bị tiên phong, hậu phương, vị trí sang mạn sà lan tương đối đầy đủ. Năng lực nhận hàng của các chủ hàng tốt, kho chứa đáp ứng đủ. Thông tin, trao đổi với khách hàng thường xuyên để kịp thời thay đổi tác nghiệp đảm bảo kế hoạch giải phóng tàu đề ra.

❖ Hàng sắt vụn tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2018 do thiết bị công cụ được chuẩn bị tốt, công tác điều hành bố trí cầu bến hợp lý.

❖ Hàng dăm gỗ: giảm 12,7% so với cùng kỳ năm 2018 do yêu cầu tăng hệ số chất xếp hàng hóa của chủ hàng.

- Yêu cầu của chủ hàng Thái Hưng lu nèn kỹ nên thời gian xếp hàng tăng làm giảm năng suất.

- Hàng xi măng bịch: giảm 29,8% so cùng kỳ 2018 do sức nâng cầu tàu yếu, chủ hàng thuê tàu nhỏ, năng suất xếp dỡ trung bình giảm so với kế hoạch.

2. Đánh giá việc thực hiện các tàu ký hợp đồng thưởng/phạt xếp dỡ

- Năm 2019, tổng số tàu ký hợp đồng thưởng/phạt năng suất xếp dỡ đã thực hiện là 74 tàu, tăng 14 tàu (23,33%) so với cùng kỳ 2018 (60 tàu), trong đó 72 tàu được thưởng (số tiền thưởng là 854.451 USD, 02 tàu bị phạt với số tiền phạt : 70.580,23 USD (01 Tàu than: 69.356,23 USD và 01 Tàu sắt: 1.224 USD).

- Đối với các tàu thưởng, năng suất giải phóng tàu cao hơn nhiều so với năng suất ký với shipper, công tác giải phóng tàu luôn được chuẩn bị đầy đủ về cầu bến, trang thiết bị xếp dỡ, đặc biệt công tác điều hành chỉ đạo kịp thời cho từng chuyến tàu.

- Riêng đối với 2 tàu bị phạt hoàn toàn do yếu tố khách quan như: thời tiết, kẹt cầu bến và trước đó đã xác định được.

3. Đánh giá công tác giám định (tỷ lệ hao hụt hàng TÁC N)

Tỷ lệ hao hụt trung bình cân/ món nước toàn cảng giảm mạnh trong năm 2019 (0,116%) so với kế hoạch (0,125%) và so với cùng kỳ (0,132%) nguyên nhân :

- Các bộ phận có liên quan đưa ra giải pháp triển khai thực hiện theo kế hoạch chung của Cảng về kiểm soát và giảm thiểu hao hụt hàng nông sản.
- Kiểm soát chặt chẽ các phương tiện xe đường ngắn, đường dài, đặc biệt là kiểm soát bì xe.
- Lựa chọn đơn vị giám định có nghiệp vụ & uy tín; thường xuyên tổ chức họp với các đơn vị giám định của cảng, yêu cầu nâng cao chất lượng giám định hàng hóa.
- Các thiết bị hỗ trợ kiểm soát an ninh như hệ thống Camera quan sát toàn cảng, cảm biến tại các nhà cân đã hỗ trợ cho công tác kiểm soát hàng hóa được tốt hơn.

Tuy vậy, trong năm vẫn có một vài chuyến tàu có tỷ lệ hao hụt cao đột biến so với mức bình quân, nguyên nhân chính do nhân viên nghiệp vụ thực hiện chưa đúng quy trình, thiếu cẩn thận, sai sót trong công tác quản lý ở bộ phận trực tiếp. Vấn đề này đã được Hội đồng kỷ luật của Cảng họp xét trách nhiệm và đưa ra mức bồi thường đối với cá nhân tập thể có liên quan. Thực tế đã có kết quả tích cực từ sau các chuyến tàu đó.

4. Kết quả công tác sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị và XDCB

a. Công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị

TT	Hạng mục nội dung đã đăng ký kế hoạch năm 2019	Kết quả đạt được năm 2019 so với kế hoạch	% hoàn thành KH
I	Hạng mục đã thực hiện		
1	Xe xúc lật 955H. - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 2.730.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Xe xúc lật 955H - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 2.500.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	100%
2	Ngoạm hoa thị 7 cánh 5m3 - Số lượng: 01 cái - Kinh phí: 3.430.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Ngoạm hoa thị 7 cánh 5m3 - Số lượng: 01 cái - Kinh phí: 2.960.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý III	100%
3	Phễu rót hàng rời 60m3 - Số lượng: 02 cái - Kinh phí: 2.600.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Phễu rót hàng rời 60m3 - Số lượng: 02 cái - Kinh phí: 2.279.021.740 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	100%
4	Xe gạt D41P - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 3.500.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	Xe gạt D41P - Số lượng: 02 cái - Kinh phí: 1.840.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý IV	100%
II	Hạng mục thực hiện dở dang/chậm tiến độ		
1	Xe tải Cửu Long 8T - Số lượng: 02 xe - Kinh phí: 1.800.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	Chưa thực hiện (do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	0%
2	Xe Toyota land cruiser - Số lượng: 01 xe - Kinh phí: 4.200.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II	Chưa thực hiện (do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	0%

TT	Hạng mục nội dung đã đăng ký kế hoạch năm 2019	Kết quả đạt được năm 2019 so với kế hoạch	% hoàn thành KH
3	Băng tải chuyên hàng - Số lượng: 01 băng - Kinh phí: 1.500.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Đã ký HĐ thiết kế băng tải Kinh phí thiết kế 70.000.000 VNĐ (dùng do chưa có nhu cầu triển khai tiếp)	30%
4	Nâng cấp cầu Libbher 1300 - Số lượng: 01 cầu - Kinh phí: 6.400.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Đã nhận được báo giá của công ty Đại kim, đang làm rõ thông tin về năng lực nhà thầu.	20%
5	Cầu bờ di động đã qua sử dụng sức nâng 50T - Số lượng: 01 cầu - Kinh phí: 35.000.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý II, III	Chưa thực hiện (Do nhu cầu sản xuất chưa cần thiết)	0%
6	Nâng cấp xe nâng chụp 42T - Số lượng: 01 xe - Kinh phí: 1.000.000.000 đ - Thời gian thực hiện: Quý I	Đã nhận báo giá của công ty Đại kim và công ty 3S Việt Nam, đang làm rõ thông tin về năng lực nhà thầu.	30%
	Tổng giá trị KH: 62.160.000.000 đồng	Tổng giá trị đã thực hiện: 9.579.021.740 đồng	

b. Xây dựng cơ bản (một số hạng mục lớn)

TT	Tên hạng mục	Giá trị (đồng)		Thời gian thực hiện				Đánh giá
		Vốn của Cảng	Vốn khác	Q1	Q2	Q3	Q4	
1	Các hạng mục sửa chữa duy tu thường xuyên thực hiện dở dang trong năm 2018 chuyển tiếp sang năm 2019: 5 hạng mục	176.326.380		x				Đã thực hiện xong
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: 07 hạng mục	410.102.392		x	x	x	x	Đã thực hiện xong
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (<100 triệu đồng): 05 hạng mục	463.615.603		x	x			Đã thực hiện xong
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (>100 triệu đồng): 07 hạng mục	545.893.474		x	x	x	x	Đã thực hiện xong
5	Các hạng mục phát sinh: 62 hạng mục (02 HM sửa chữa bằng vốn khác)	1.951.930.001	389.819.000	x	x	x	x	Đã thực hiện xong
	Tổng	3.547.867.850	389.819.000					

c. Đánh giá chung về công tác đầu tư mua sắm thiết bị và XD/CB

❖ Công tác đầu tư mua sắm thiết bị

- Kế hoạch năm 2019 đầu tư mua sắm, nâng cấp cho 9 hạng mục, trong đó:
- + Có 4 hạng mục (02 xe xúc lật, 01 ngoạm hoa thị 5m³, 02 phễu rót hàng rời 60m³ và 02 xe gạt D41P đã qua sử dụng) với tổng giá trị là 9,579 tỷ đồng.
- + Có 6 hạng mục đầu tư chưa thực hiện.

Nguyên nhân chính: Công tác thẩm định, quyết định các hạng mục đầu tư chưa kỹ lưỡng. Một số thiết bị như: Cầu libbher 1300, xe nâng chụp 42 tấn không tìm được đơn vị có năng lực sửa chữa phù hợp dẫn đến tiến độ thực hiện các bước đầu tư chậm tiến độ.

❖ *Công tác xây dựng cơ bản*

- Trong năm 2019 thực hiện 5/5 nhóm hạng mục đầu tư với tổng giá trị là 3.937.000.000 đồng (trong đó vốn của Cảng: 3.547.000.000 đồng, vốn khác 390.000.000 đồng). Nhìn chung các hạng mục đầu tư XDCB năm 2019 đều là những hạng mục nhỏ lẻ, phát sinh trong quá trình SXKD.

- Riêng đối với 2 dự án: Sở đồ đòi thượng lưu Bến 1 và cấp phép chính thức cho tàu 85.000 DWT (hạ tải) vào làm hàng tại Bến 5,6,7 chưa hoàn thành.

Nguyên nhân chính: Do chính sách bất cập của Nhà nước, thủ tục qua nhiều các cấp có thẩm quyền giải quyết, thời gian chờ đợi kéo dài.

5. Công tác sửa chữa trang thiết bị và an toàn vệ sinh lao động

5.1 Công tác sửa chữa trang thiết bị xếp dỡ

- Trong năm 2019 cơ bản các thiết bị công cụ đã đáp ứng kịp thời cho sản xuất, đảm bảo năng suất xếp dỡ một số mặt hàng chủ lực tăng. Thiết bị tốt, sẵn sàng phục vụ đạt trên 85% thời gian hoạt động.

- Tồn tại: Tình trạng thiết bị hư hỏng đột xuất vẫn thường xuyên xảy ra, nhất là thời điểm có nhiều tàu làm hàng. Nguyên nhân:

- + Thiết bị xếp dỡ và phục vụ xếp dỡ đa số là thiết bị cũ (Sản xuất trước năm 2000). Số lượng trang thiết bị thiếu (không có thiết bị dự phòng).
- + Việc bảo dưỡng định kỳ thiết bị công cụ có chuyển biến tích cực song chất lượng bảo dưỡng còn hạn chế, thời gian kéo dài.
- + Công nhân vận hành tay nghề chưa cao, một số công nhân thiếu ý thức dễ xảy ra sự cố thiết bị trong quá trình sản xuất làm phát sinh thời gian giải phóng tàu và chi phí sửa chữa khắc phục.
- + Vật tư dự phòng: đặc chủng, đa dạng và công nghệ cũ nên việc cung ứng kịp thời gặp khó khăn, thời gian chờ vật tư trong quá trình sửa chữa kéo dài ảnh hưởng tới tiến độ sửa chữa.

5.2 Công tác bảo hộ an toàn vệ sinh lao động

- Cảng đã cấp phát và trang bị đầy đủ bảo hộ cho người lao động trong tất cả các lĩnh vực sản xuất theo quy định của Bộ Lao động TBXH. Đặc biệt trong lĩnh vực đặc thù của ngành hàng hải. Tuy nhiên, trong năm vẫn để xảy ra 02 vụ tai nạn lao động nghiêm trọng, khiến 02 công nhân tử vong. Nguyên nhân chính:

- + Người lao động thiếu ý thức tự bảo vệ mình. Người lao động vi phạm quy định, quy trình trong an toàn sản xuất.
- + Công tác kiểm tra hiện trường chưa thường xuyên, quyết liệt, chế tài xử lý vi phạm kỷ luật chưa đủ sức răn đe.
- + Công tác tuyên truyền và giáo dục cho người lao động chưa thường xuyên.

6. Về công tác nhân sự và những tồn tại hạn chế năm 2019

- Biến động lao động:

- + Lao động tại thời điểm 01/01/2019: 745 người
- + Lao động tăng: 14 người (đi nghĩa vụ quân sự trở về: 01 người; tuyển mới 13 người)
- + Lao động giảm: 46 người (nghỉ chế độ hưu trí: 06 người; đi nghĩa vụ quân sự: 01 người; tự nguyện chấm dứt HĐLĐ: 39 người).
- + Lao động tại thời điểm 31/12/2019: 713 người.

- + Lao động bình quân: 725 người đạt 93,91% so với kế hoạch (725/772).
- Tiền lương:
- + Thu nhập bình quân: 12,384 triệu đồng/người/tháng đạt 108,56% so với kế hoạch và tăng 5,31% so với cùng kỳ năm 2018. Thu nhập tăng so với năm 2018 là do doanh thu tăng, lao động bình quân giảm.
- * Tồn tại
 - Việc xây dựng quy chế, quy định trong công tác TCNS của Công ty còn chưa kịp thời, chưa phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
 - Việc xem xét, xử lý người lao động vi phạm nội quy lao động còn chậm chưa kịp thời.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Nhận định thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Ngoài những thuận lợi năm 2019, năm 2020, sau khi thông qua Quốc hội về Hiệp định thương mại tự do (EVFTA) giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam, khi đó sẽ thúc đẩy hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai thị trường này tăng đột biến, tạo điều kiện cho việc tăng trưởng hàng hóa qua các cảng biển quốc tế.
 - Mặt khác, tại địa bàn tỉnh Quảng Ninh, nhiều dự án lớn đồng loạt được triển khai như hệ thống giao thông đường bộ, một số khu công nghiệp được mở rộng tại Quảng Ninh tạo điều kiện cho việc thu hút hàng hóa cho việc xây dựng dự án cũng như hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp thông qua cảng.

2. Khó khăn

- Trong khi dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế triệt để, khả năng tái đàn còn hạn chế ở một số địa phương thì dịch bệnh Covid 19 lại bùng phát và diễn biến hết sức phức tạp trong nước và trên toàn cầu. Năm 2020 là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp kinh doanh Cảng biển trong đó có CQN. Ảnh hưởng của dịch bệnh đã và đang gây đình trệ đến nhiều lĩnh vực trong nền kinh tế trong nước và thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ hàng hóa dịch vụ trong và ngoài nước, trong đó có hàng thức ăn chăn nuôi. Việt Nam đang có quan hệ kinh tế rất nhiều mặt với Trung Quốc, đặc biệt là hoạt động thương mại. Do vậy nhóm ngành thương mại có rủi ro chịu tác động gián tiếp như nhóm ngành cảng biển, cảng hàng không và logistic, vận tải. Các tàu hàng, chủ hàng hoạt động trên các tuyến cảng từ Trung Quốc đến cảng Cái Lân & ngược lại đang bị hạn chế về thủ tục, bị kiểm soát chặt chẽ về việc kiểm tra thân nhiệt thủy thủ, yêu cầu phun khử trùng hay cách ly tàu trong thời gian nhiều ngày dẫn đến thời gian tàu cập cầu bị kéo dài dẫn đến lượng hàng xuất nhập khẩu qua CQN sụt giảm.
 - Tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến kéo dài từ tháng 1 đến tháng 4 và chưa có dấu hiệu khống chế hoàn toàn trên thế giới gây ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế chung toàn cầu, nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu trong nước bị gián đoạn, bên cạnh đó là lực cầu đối với nhiều mặt hàng bị giảm sút do đó ảnh hưởng lớn đến sản lượng hàng hóa thông qua cảng cũng như doanh thu giảm mạnh trong Quý I, dự báo tiếp tục ảnh hưởng sang Quý II,III và cả năm 2020.

- Hai shipper lớn là Cargill và Enerfo đã đưa tàu sang CICT để khai thác. Bên cạnh đó, chủ hàng Văn Sơn đã trực tiếp ký hợp với công ty cầu nổi Bạch Đằng (thay vì trước đây ký với Cảng) để dỡ hàng ngoài diêm neo.
- Hiện nay còn hai shipper chính hàng thức ăn chăn nuôi là CJ và Bunge cũng đang gây sức ép về giá dịch vụ, điều kiện sử dụng kho và yêu cầu tăng năng suất xếp dỡ giải phóng tàu. Nếu cảng không linh hoạt điều chỉnh kịp thời chính sách kinh doanh cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ thì nguy cơ khách hàng chuyển sang CICT hoặc chia sẻ sản lượng giữa hai cảng là rất cao.
- Bên cạnh đó, năng lực xếp dỡ chưa được cải thiện, đặc biệt thiết bị tuyến tiền phương cũ, lạc hậu và thời gian hư hỏng ngày càng nhiều.

II. Mục tiêu năm 2020

1. Trong hoạt động kinh doanh

- Tiếp tục lấy sản lượng hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục duy trì sản lượng xuất khẩu dăm gỗ với mức thị phần cao nhất trong khu vực.
- Đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện có.
- Đẩy mạnh ký kết các tàu thường phạt các mặt hàng nhằm tăng năng suất giải phóng tàu và hiệu quả khai thác cảng.
- Tiếp tục đẩy mạnh dịch vụ logistics, chú trọng tới vận tải đường dài đối với các khách hàng đang sử dụng dịch vụ xếp dỡ của cảng.
- Tăng cường mở rộng khai thác các tàu ngoài vịnh như: sắt thép, than, quặng để tăng thêm doanh thu bù đắp khoản thiếu hụt trong cầu cảng.

2. Trong hoạt động sản xuất

- Tăng năng suất xếp dỡ các mặt hàng chủ lực của cảng lên 1% so với năm 2019 như hàng TACN chung chủ, Sắt vụn, Dăm gỗ và Xi măng bịch.
- Giảm tỷ lệ hao hụt đối với hàng thức ăn chăn nuôi (cân/ món nước 0,1%).
- Tuyệt đối không để xảy ra tai nạn lao động nặng, đặc biệt là tai nạn chết người.
- Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động tốt > 80%.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khai thác tối đa hiệu quả cầu bến, kho bãi, đồng thời hợp tác với CICT khai thác cầu 2,3,4 khi cầu bến của cảng tắc nghẽn.

3. Mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng

- Hoàn thành trong năm 2020:
 - + Quyết định công bố cầu 5,6,7 đủ điều kiện để tiếp nhận tàu trọng tải đến 85.000DWT giảm tải.
 - + Xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ dự án kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu Bến 1 thuê đất 50 năm.
 - + Cải tạo một số phòng và khuôn viên văn phòng 6 tầng.
- Mục tiêu đầu tư trong 3 năm tới:
 - + Đầu tư XD kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu Bến 1 – Cái Lân.
 - + Xin quyết định chủ trương đầu tư xây dựng Bến 8&9.

- + Triển khai thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Bến số 1 và bến Tam.
- 4. *Mục tiêu về quản trị, nâng cao công tác nhân sự*
 - Phân tích nhu cầu nguồn nhân lực trong kế hoạch dài hạn và nguồn lực sẵn có, đưa ra các chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực để có thể điều chỉnh phù hợp với các yêu cầu sản xuất kinh doanh mới trong giai đoạn tiếp theo.
 - Xác định nhu cầu nguồn lực lao động điều chỉnh chính sách nhân sự cho phù hợp với thực tiễn của công ty:
 - Căn cứ nguồn lực hiện tại, yêu cầu về nguồn lực kế hoạch xác định nhu cầu nguồn lực:
 - + Thừa hoặc thiếu lao động trong một số công việc;
 - + Một số công việc trong tương lai xem xét về yêu cầu năng lực như cao hơn hay cùng mức độ như những năng lực so với hiện tại;
 - + Điều chỉnh về mặt số lượng lao động của Công ty như là tuyển dụng mới, tạm tuyển theo mùa, hay cho nghỉ hưu, chấm dứt HĐLĐ, huy động làm thêm giờ hay giảm số giờ làm việc;
 - + Điều chỉnh về mặt chất lượng lao động của doanh nghiệp: tiến hành đào tạo lại, đào tạo bổ sung hay tuyển dụng thêm các nhân viên có trình độ khoa học hiện đại, có trình độ quản lý cao hoặc có kế hoạch bồi dưỡng và đề bạt cán bộ;
 - + Điều chỉnh chất lượng lao động có trình độ phù hợp với công việc được giao và văn hóa ứng xử công sở.
 - + Điều chỉnh cơ cấu tổ chức: khi công ty có sự biến động lớn hoặc khi cần thiết phải tổ chức lại bộ máy quản lý, công ty nghiên cứu tổ chức lại mô hình cho phù hợp.

III. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Chỉ tiêu kinh tế xã hội toàn công ty

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	%
			1	2	3=2-1	4=2/1
1	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	8.120.073	8.150.000	29.927	100,37%
2	Sản lượng hàng hóa xếp dỡ	Tấn	8.358.458	8.400.000	41.542	100,50%
3	Doanh thu khai thác cảng biển	Tỷ đồng	417,75	418,00	0,25	100,06%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80,29	80,50	0,21	100,26%
5	Thu nhập BQ lao động	Trđ/tháng	12,384	12,486	0,102	100,82%
6	Tổng số LĐBQ	Người	725	729	4	100,55%
7	Cổ tức	%	16	10	-6	62,50%

2. Kế hoạch đầu tư năm 2020

2.1 Kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp trang thiết bị, công cụ 2020

Bao gồm 7 hạng mục, tổng giá trị đầu tư dự kiến là 21,11 tỷ đồng. Trong đó có một số hạng mục chuyển từ năm 2019 sang, cụ thể mỗi hạng mục trước khi đầu tư sẽ có báo cáo và trình HĐQT phê duyệt.

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Chi phí dự kiến (VNĐ)	THỜI GIAN THỰC HIỆN				GHI CHÚ
				QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ VI	
1	Hoàn cải cầu Đê 40 Tấn	2	2.500.000.000		x	x		
2	Nâng cấp cầu Libbher 1300	1	7.500.000.000	x	x	x	x	Chuyển kế hoạch 2019 sang
3	Xe tải 8 tấn	2	1.600.000.000	x	x			Chuyển kế hoạch 2019 sang
4	Ngoạm MRS 5m3+ phụ tùng	1	2.960.000.000	x	x			
5	Xe Toyota land cruiser	1	4.200.000.000	x	x			Chuyển kế hoạch 2019 sang
6	Băng tải xuống hàng sà lan	1	2.200.000.000	x	x			Tiếp tục thực hiện kế hoạch 2019
7	Cầu dẫn đóng rút hàng Container	1	150.000.000	x				
	Tổng cộng		21.110.000.000					

3.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020

Tổng mức đầu tư dự kiến 13,7 tỷ đồng bằng nguồn vốn của cảng, trong đó các hạng mục đầu tư dở dang từ năm 2019 chuyển sang năm 2020 là 5,3 tỷ đồng; nguồn vốn khác là 1,065 tỷ đồng.

TT	Tên hạng mục	Giá trị (đồng)		Thời gian thực hiện			
		Vốn của Cảng	Vốn khác	Q1	Q2	Q3	Q4
1	Các hạng mục đang thực hiện dở dang năm 2019 chuyển sang năm 2020: 05 hạng mục	5.333.934.361		x	x		
2	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019						
2.1	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: 10 hạng mục	824.969.616		x	x	x	x
2.2	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (≤ 100 triệu đồng): 14 hạng mục	727.064.624		x	x	x	x
2.3.1	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (> 100 triệu đồng): 10 hạng mục (P.án 1)	3.160.697.133	1.065.955.000	x	x	x	x
2.3.2	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (> 100 triệu đồng): 10 hạng mục (P.án 2)	3.108.922.133	1.065.955.000				
2.4	Các dự án đầu tư mới: 05 dự án	3.751.206.200		x	x	x	x
	Tổng theo P.án 1	13.797.871.934	1.065.955.000				
	Tổng theo P.án 2	13.746.096.934	1.065.955.000				

IV. Cam kết của Ban điều hành

Trên đây là nội dung tóm tắt báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020 của công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

Ban điều hành Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cam kết hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên, do đại dịch Covid 19 xuất hiện từ tháng 1 năm 2020 đến nay và chưa có dấu hiệu khống chế hoàn toàn trên thế giới đã ảnh hưởng rất nặng nề đến chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty, Ban điều hành kính trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2020 trong thời gian tới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Tổng Giám Đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Đạo